

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

NĂM 2013



Hà Nam, Ngày 31 tháng 03 năm 2014



**L Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN  
HAMICO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0700189368

Vốn điều lệ: 116.900.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 116.900.000.000 đồng

Địa chỉ: Phường Quang Trung, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Số điện thoại: 0351.3851035

Số fax: 0351.3855296

Website: hamico.vn

Mã cổ phiếu (nếu có): KSH

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần tập đoàn Khoáng sản Hamico tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập từ tháng 10 năm 1967. Thực hiện chủ trương sắp xếp lại các loại hình DNNN của Chính phủ, Công ty đã thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603.000007 ngày 13 tháng 09 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Tiếp thu bề dày truyền thống sản xuất kinh doanh đồng thời linh hoạt thích ứng và hòa nhập với cơ chế thị trường, Công ty đã cải tổ lại tổ chức, đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Đến ngày 09 tháng 10 năm 2007, Công ty tăng Vốn điều lệ từ 5 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng theo Giấy CNĐKKD số 0603.000007 (cấp thay đổi lần thứ 5) do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

Từ khi chuyển đổi để trở thành công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam luôn nỗ lực phấn đấu, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tăng cường





năng lực sản xuất, tăng cường khả năng cạnh tranh và đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, để mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường năng lực tài chính, trong năm 2007 Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam đã tiến hành sáp nhập với hai công ty:

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Khoáng sản Hà Nam, Giấy CNĐKKD số 0603000216 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18 tháng 11 năm 2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam

Công ty Cổ phần Bao bì Phú Mỹ, Giấy CNĐKKD số 0603000217 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nam cấp ngày 18 tháng 11 năm 2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì Phú Mỹ,

Hiện tại, theo Giấy CNĐKKD số 0603000007 ngày 22 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Nam cấp thì Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần tập đoàn Khoáng sản Hamico là 116.900.000.000 đồng (Một trăm mười sáu tỷ chín trăm triệu đồng chẵn./.), và đổi tên thành Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico. Tới thời điểm này Nhà nước không còn nắm giữ cổ phần của Tổng Công ty.

Đến tháng 2 năm 2008 công ty đăng ký niêm yết giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đến ngày 19-4-2008 đã liên kết cùng công ty chứng khoán thủ đô mở đại lý nhận lệnh thực hiện giao dịch chứng khoán tại Hà Nam.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 13/9/2000 được sửa đổi bổ sung lần thứ 10 ngày 05 tháng 03 năm 2012 với mã số doanh nghiệp : 0700189368.





### 3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

#### *- Ngành nghề kinh doanh:*

+ Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến đá; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

+ Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;

+ Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại; Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh; Sản xuất xi măng các loại; Sản xuất các sản phẩm từ bê tông: sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;

+ Sản xuất, mua bán: gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi; Hàng trang trí nội ngoại thất; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

#### *- Địa bàn kinh doanh:*

Công ty hoạt động kinh doanh trên các địa bàn : Hà Nam, Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, nghệ An, TP Hồ Chí Minh, Hà Tây, Hưng Yên, Bắc Kạn, Bình Dương... Trong đó địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng doanh thu lớn là khu vực Hà Nam, Hà Nội.

### 4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

#### *- Mô hình quản trị:*





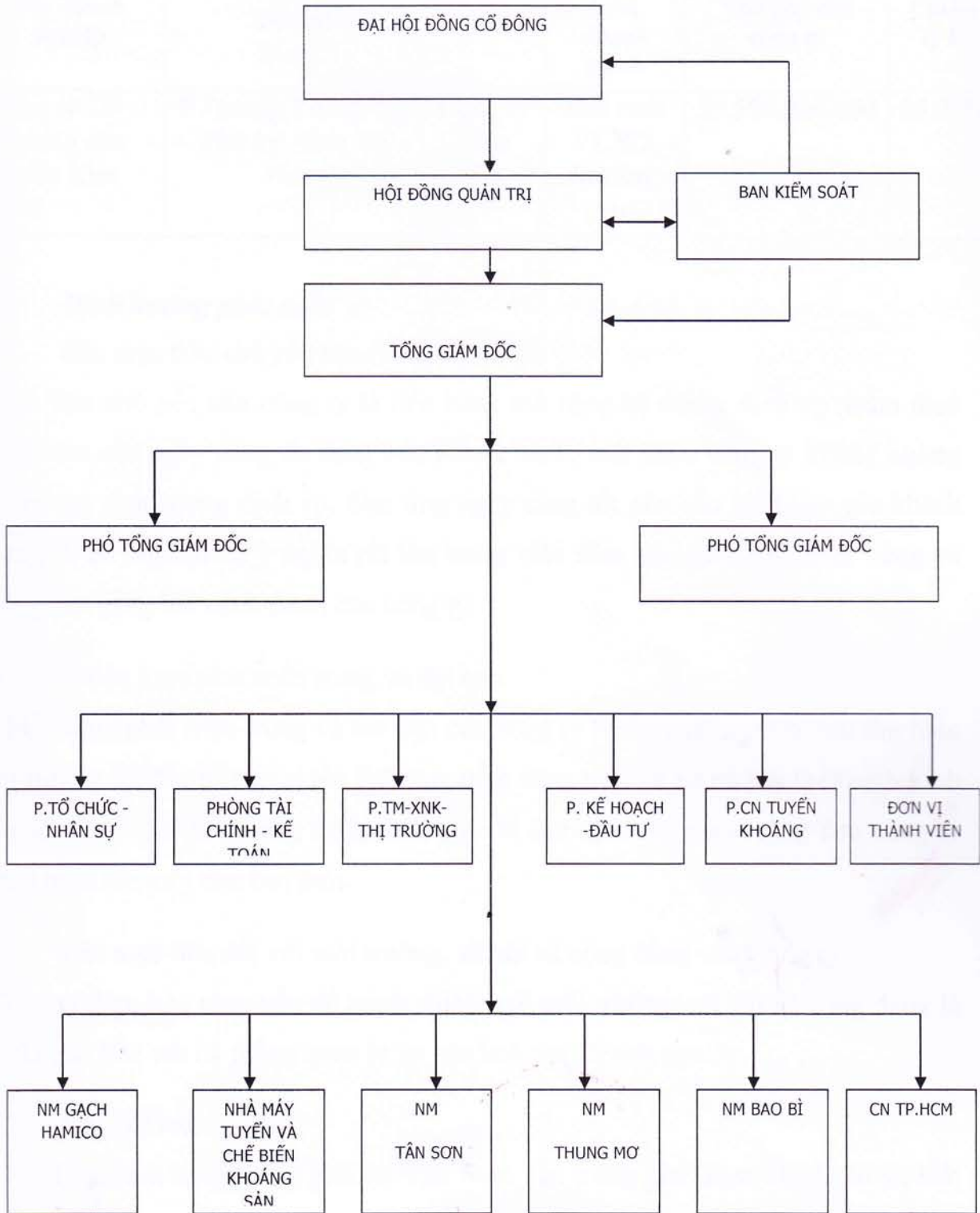


Mô hình quản trị công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc; các đơn vị góp vốn, các đơn vị thành viên, các công ty con; các nhà máy; và các phòng ban chức năng.

– Cơ cấu bộ máy quản lý.

Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/QH đã được Quốc Hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005, các Luật khác và điều lệ Công ty cổ phần khoáng sản Hamico được đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico đã xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức định hướng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc .





– Các công ty con, công ty liên kết:

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn góp của công ty	Chiếm tỷ lệ
Công ty CP Khoáng sản Huyện Kim Màu	P.Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Công ty Liên Kết	Sản xuất VLXD, khoáng sản	39.580.000.000	25.23%

5. **Định hướng phát triển**

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Mục tiêu chủ yếu của công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thoả mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu khắt khe của khách hàng. Việc làm đó có ý nghĩa rất lớn trong việc đảm bảo phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh cho công ty.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của công ty là xem xét nghiên cứu tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa công ty phát triển lên một tầm cao mới.

– Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng là phần gắn liền với hệ thống quản lý và văn hoá của Doanh nghiệp.

6. **Các rủi ro:**

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn trong giai đoạn khó khăn và biến động bất thường. Thị trường vật liệu xây dựng có nhiều thay đổi và chưa được ổn





định, sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt. Các yếu tố trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và trong sự cạnh tranh quyết liệt của các Doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề, để đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng cũng như chất lượng sản phẩm, công ty đã quyết định cải tiến công nghệ, xây dựng lại nhà máy. Chính vì thế kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 không được khả quan.

+ Tổng doanh thu thuần đạt: 66,2 tỷ đồng

+ Tổng lợi nhuận trước thuế đạt: (1,89) tỷ đồng

+ Lãi cơ bản trên một cổ phiếu đạt: (161,7) đồng

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ
Tổng doanh thu	66.2	62	6.35%
Lợi nhuận trước thuế	1.89	15.5	12.19%

Doanh thu năm 2013 có khả quan hơn năm 2012 nhưng ngược lại lợi nhuận đạt được thấp so với kế hoạch chủ yếu là do các sản phẩm tồn lại của hệ thống dây truyền công nghệ cũ cộng thêm chí phí đầu tư dây truyền mới, thời tiết không thuận lợi, thị trường bất động sản giảm mạnh, bên cạnh đó thị trường xuất khẩu đá các loại bị ngưng, dẫn đến doanh thu cho hoạt động khoáng sản giảm đáng kể.





Tổng doanh thu đạt : 66,02 tỷ đồng, , giảm 2.64% so với kế hoạch năm 2013.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt: 1,89 tỷ đồng, giảm 12.19% so với kế hoạch năm 2013.

## 2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Vũ Minh Thành	Tổng giám đốc	0 % Vốn điều lệ
Bà Đặng thị thu Phương	P.Tổng giám đốc	0 % Vốn điều lệ
Bà. Lâm thị thu Trang	Kế toán Trưởng	0 % Vốn điều lệ

### Tóm tắt lý lịch:

**Ông : Vũ Minh Thành**

Chức vụ tại Công ty : Tổng giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 08/8/1981

Chứng minh thư nhân dân : 162376569 do Công an Nam Định cấp ngày 19/01/1999

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hải Hà, Hải Hậu, Nam Định

Địa chỉ thường trú : Phường Trần Hưng Đạo, Thị xã Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Trình độ văn hóa : 12/12



Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Cty CP Khoáng sản Huyện Kim Mậu.

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Lợi ích liên quan với công ty: Không

**Bà : Đặng Thị Thu Phương**

Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT kiêm P.Tổng giám đốc

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 26/05/1977

Chứng minh thư nhân dân : 162199371 do Công an Hà Nam cấp ngày 19/04/1995

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Yên Nam, Duy Tiên, Nam Hà

Địa chỉ thường trú : Yên Nam, Duy Tiên, Nam Hà

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Trung cấp kế toán

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm Pháp luật : Không







**Bà** : **Lâm thị thu Trang**

Chức vụ tại Công ty : Kế toán Trưởng

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 17/5/1983

Chứng minh thư nhân dân : 162552048 do Công an Nam Định cấp ngày 07/02/2001

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hải Lộc, Hải Hậu, Nam Định

Địa chỉ thường trú : Hải Lộc, Hải Hậu, Nam Định

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Trung cấp kế toán

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Khuyến khích người lao động cùng



quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tiết kiệm trong sản xuất. Tổng số lao động bình quân trong năm của công ty : 580 người. Thu nhập bình quân khoảng : 6.000.000 đồng/người/tháng.

Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp:

Chế độ làm việc:

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về lao động và các khoản trợ cấp, thưởng được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc / tuần và 8 giờ / ngày

*Chính sách tuyển dụng đào tạo:*

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của công ty, công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của các cán bộ công nhân viên.

*Đối với lao động trực tiếp:*

Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo trực tiếp lao động ngay tại Công ty kết hợp cử những lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm lâu năm, tham dự các khóa đào tạo kiến thức, kỹ năng thực hiện các ngành nghề, dịch vụ mà công ty định hướng phát triển;

*Đối với lao động gián tiếp:*

Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc





*Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:*

Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Có chính xác khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc .

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

a) Các khoản đầu tư lớn:

Xây dựng và cải tạo nhà máy gạch Hamico I với tổng mức đầu tư : 44,935 tỷ đồng trong năm 2012 và năm 2013.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

\* **Công ty CP Khoáng Sản Luyện Kim Màu**

- Mối quan hệ: Công ty liên kết

- Lĩnh vực hoạt động chính: Sản xuất vật liệu xây dựng, khoáng sản, kim loại màu.

- Tình hình tài Chính : Kết quả kinh doanh năm 2013 như sau:

+ Doanh thu : 50.3 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 16.118 tỷ đồng

4. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	208.601.112.103	238.969.014.132	12.7%
Doanh thu thuần	68.049.939.729	66.206.047.171	27.8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(9.245.920.065)	3.065.656.994	66.8%



Lợi nhuận khác	(4.893.667.787)	(1.175.008.352)	75.9%
Lợi nhuận trước thuế	(14.139.587.852)	1.890.648.642	86.6%
Lợi nhuận sau thuế	(14.139.587.852)	1.890.648.642	86.6%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>	0.45 lần	0.51 lần	
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2.5 lần	1.6 lần	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	47.1%	53%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	84.08%	92.2%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>	3.12 lần	1.32 lần	
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	32.62%	27.7 %	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(20.77%)	2.85%	







+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(12.09%)	1.61%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(6.77%)	0.79%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(13.58%)	4.63%	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu : 11.690.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 11.690.000cp Trong đó:

- số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 11.690.000 cp
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0



b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ Đông	Tỷ lệ góp vốn	Số lượng cổ phần nắm giữ
1	Tổ chức: Trong đó: Tổ chức trong nước Tổ chức nước ngoài  Cá nhân: Trong đó: Cá nhân trong nước Cá nhân nước ngoài		
2	Trong nước Trong đó: Tổ chức trong nước		



	Cá nhân trong nước  Nước ngoài: Trong đó: Tổ chức nước ngoài Cá nhân nước ngoài		
3	Phân loại khác Cổ đông lớn sở hữu 5% cổ phần trở lên Cổ đông nhà nước	57.5%	6.717.430

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không
- e) Các chứng khoán khác: Không



### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty:

Năm 2013 là một năm ghi nhận nhiều biến động bất thường, kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục không ổn định. Thị trường tài chính, ngân hàng bất ổn làm giá cả sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao đặc biệt là việc tăng giá điện và nhiên liệu...

Thị trường bất động sản giảm mạnh dẫn đến việc tiêu thụ vật liệu gạch tuynel giảm rất cao, cộng thêm chi phí nguyên liệu tăng lên, sự cạnh tranh gay gắt của các hãng sản xuất gạch không nung và gạch siêu nhẹ, gạch tuynel thủ công vẫn còn đang sản xuất tại các tỉnh lân cận.

Thị trường xuất khẩu về mặt hàng khoáng sản giảm mạnh trong năm 2013, dẫn đến hàng hoá tồn kho khối lượng lớn ...





Mặc dù có một số khó khăn như vậy, nhưng mặt thuận lợi là công ty luôn nhận được sự tín nhiệm của các cổ đông, sự ủng hộ của khách hàng. Ban lãnh đạo công ty luôn theo sát tình hình đề ra các quyết định và chiến lược kinh doanh phù hợp kịp thời như Công ty quyết định dùng nhà máy gạch Hamico để nâng cấp, xây dựng, cải tạo dây truyền sản xuất mới với công nghệ tiên tiến và hiện đại để đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng, đảm bảo cả chất lượng và số lượng....tìm mọi biện pháp từng bước nâng cao hiệu quả quản trị về sản xuất kinh doanh cũng như lĩnh vực tài chính vì thế cũng đã khắc phục được phần nào khó khăn :

Tổng doanh thu đạt : 66,2 tỷ đồng, giảm 2.7% so với thực hiện năm 2012, tăng 6.7% so với kế hoạch năm 2013.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt: 1.89 tỷ đồng tăng (86.6% )so với thực hiện năm 2012, giảm 87.8% so với kế hoạch năm 2013.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được :

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đầu kỳ: 208.6 tỷ trong đó tài sản ngắn hạn là: 44.4 tỷ và tài sản dài hạn là: 164.1 tỷ

Tổng tài sản cuối kỳ: 238.9 tỷ trong đó tài sản ngắn hạn là: 58.8 tỷ và tài sản dài hạn là: 180.1 tỷ

Trong năm công ty đã đầu tư, đưa vào sử dụng các máy móc trang thiết bị với tổng giá trị: 459,5 triệu đồng, đồng thời mang góp vốn, thanh lý, phá bỏ một số nhà xưởng do xây dựng lại dây truyền công nghệ mới với tổng giá trị: 33.2 tỷ đồng. Tài sản đầu tư thêm đã mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao trong năm 2013 cho Công ty. Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triện để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.



b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả đầu kỳ là 98.2 tỷ đồng cuối kỳ 126.7 tỷ đồng, trong năm công ty đã vay BIDV Hà Nam khoản tiền: 41.9 tỷ đồng và vay cá nhân một khoản 55.7 tỷ đồng để sửa chữa và nâng cấp dây truyền nhà máy mới, bên cạnh đó đầu tư vào một số dự án có tương lai khả quan.

- *Hiện tại công ty không có khoản phải trả xấu. Chênh lệch của tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.*

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Hoàn thiện mô hình tổ chức và tái cơ cấu trúc toàn Cty, thành lập các công ty TNHH MTV theo hướng chuyên nghiệp để phục vụ. Bổ sung điều chuyển lao động các đơn vị phù hợp với mô hình tổ chức sau khi tái cấu trúc và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị, Xây dựng ban hành các quy chế phối hợp các giữa các công ty thành viên ngay từ khi tái cấu trúc, cụ thể là:

- + Quy chế quản lý tài chính
- + Quy chế quản lý nhân sự, đào tạo, tiền lương.
- + Quy chế quản lý kỹ thuật vật tư, phương tiện thiết bị, sửa chữa phương tiện thiết bị.
- + Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.
- + Quy chế quản lý phối hợp giữa các công ty ngay khi tái cấu trúc.

Các công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: Tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng quy định hiện hành







cũng như mới ban hành. Các quy trình quản lý sản xuất được rà soát, sửa đổi làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh.

Thực hiện tốt các công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Hoàn thành tốt việc nâng bậc lương trong năm theo đúng quy định người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập năm 2013 cao hơn năm 2012.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động sản xuất chính của công ty

Lựa chọn hạng mục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất cho năm 2014 và các năm tiếp theo.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo năng suất, chất lượng và đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong sản xuất.

Quản lý tốt các chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tỷ lệ cổ tức đạt từ 20% đến 25% và có tinh lũy cần thiết để đầu tư và mở rộng sản xuất.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:*

Công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 54,7 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2013 là 36,2 tỷ đồng). Công ty có lỗ lũy kế tới ngày 31/12/2013 là (4.699.447.043) đồng và luồng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013 âm 5,9 tỷ đồng

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 sẽ khả quan, các cổ đông chính của Công ty và các Ngân hàng sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty tại bất cứ thời điểm nào. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp

0189  
ĐO  
ÁNG  
MIC  
Y-T.HP





Ban giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch, phương án dòng tiền và tin tưởng khả năng hoạt động liên tục của Công ty ít nhất trong 12 tháng tới, cụ thể như sau:

Tổng giá trị hợp đồng bán hàng đã ký thực hiện trong năm 2014 là 53.459.000.000 đồng

Kế hoạch dòng tiền của Công ty trong năm 2014 là:

CHỈ TIÊU	Năm 2014
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	78.562.284.862
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(71.945.863.448)
Tiền chi trả cho người lao động	(6.782.672.930)
Tiền chi trả lãi vay	(7.791.913.213)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.977.259.575
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.482.208.727)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(4.463.113.881)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(9.440.380.190)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	880.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.473.430
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(8.556.906.760)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	142.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	(128.847.519.862)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>13.152.480.138</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>132.459.497</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>2.368.163.686</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>2.500.623.183</b>

368  
IN  
AN  
NAM



Giá trị cung cấp hạn mức tín dụng của các tổ chức và cổ đông là 142.000.000.000 đồng, bao gồm:

+ Thông báo số 01.3539020/TB-NHDT ngày 17/2/2014 về giới hạn tín dụng ngắn hạn trong năm 2014 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam cam kết cung cấp hạn mức tín dụng bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh là 42.000 triệu đồng

+ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty số 16/BBHĐQT ngày 6/3/2014 về việc đảm bảo vốn cho Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 là sẵn sàng cung cấp 100 tỷ đồng tiền vay nếu Công ty cần

#### IV. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty*

##### 1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Năm 2013 là một năm ghi nhận nhiều biến động bất thường, kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục không ổn định. Thị trường tài chính, ngân hàng bất ổn làm giá cả sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao đặc biệt là việc tăng giá điện và nhiên liệu...

Thị trường bất động sản giảm mạnh dẫn đến việc tiêu thụ vật liệu gạch tuynel giảm rất cao, cộng thêm chi phí nguyên liệu tăng lên, sự cạnh tranh gay gắt của các hãng sản xuất gạch không nung và gạch siêu nhẹ, gạch tuynel thủ công vẫn còn đang sản xuất tại các tỉnh lân cận

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện theo đúng chế độ, chính sách, quy định của nhà nước về quản lý tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu chi của công ty, đảm bảo cân đối đủ vốn đáp ứng các yêu cầu sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ chế độ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách nhà nước.

##### 2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc công ty trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường công ty đã có cố gắng trong sản xuất kinh doanh cho







đù năm 2013 là một năm khó khăn với Công ty cp tập đoàn khoán sản Hamico do ảnh hưởng của một số yếu tố mang lại làm kết quả Doanh thu năm 2013 giảm mạnh so với năm 2012.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng công ty theo sát tình hình thị trường, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất ổn định, cải tiến kỹ thuật, nâng cấp công nghệ đảm ứng chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu: lựa chọn hạng mục đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh ... tiếp tục đưa Công ty trải qua khó khăn và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức Danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác
1	Ô. Nguyễn tiến Dũng	Chủ tịch	0	TVĐH	0
2	Ô. Đặng văn Lành	Thành viên	0	TVĐH	0
3	B. Đặng thị thu Phương	Thành viên	0	TVĐH	0
4	Ô. Lê Trung Kiên	Thành viên	4,27%	TVĐH	0
6.	Ô. Vũ Minh Thành	Thành viên	0	TVĐH	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:





HĐQT là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty trừ những quyền thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Hội Đồng Quản trị họp định kỳ và đưa ra phương hướng kế hoạch trong thời gian tới. HĐQT hiện nay của công ty có 5 thành viên mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 5 năm. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

HĐQT giám sát thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và ĐHCĐ thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng giám đốc để đảm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được an toàn.

Năm 2013 HĐQT công ty có 4 cuộc họp, nội dung được thể hiện ở các nghị quyết sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/2013/KSH/NQ - HĐQT	09/01/2013	Tạm ngừng sản xuất nhà máy gạch Hamico I
2	Số 08/2013/KSH/NQ- HĐQT	08/5/2013	Ngày đăng ký cuối cùng ngày chốt danh sách họp ĐHCĐ TN 2013
3	Số 29/2013/KSH/NQ- HĐQT	29/6/2013	Lựa chọn đơn vị kiểm toán
4	Số 28/2013/KSH/NQ - ĐHCĐ	28/6/2013	NQ họp ĐHCĐ TN 2013

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có
- f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

308  
DÀN  
GSẢ  
MCC  
Y.T.H.P.



## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Ông Hoàng khánh Chung	TB Kiểm soát	4.27%
Ông Đặng quang Hoạt	Thành viên	0
Ông Lê anh Chúc	Thành viên	0

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong điều lệ công ty và luật Doanh nghiệp, ban kiểm soát đã tiến hành họp ba lần, đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát và thực hiện từng mặt công tác theo lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các quy chế, quy trình, các nghị quyết, quyết định.

#### Tham gia Đại hội cổ đông thường niên năm 2013

Theo dõi tình hình qua các nghị quyết, quyết định, kiểm soát viên ban hành và thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT, ban điều hành, quy trình nghiệp vụ của công ty và các thành viên.

Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty đối với HĐQT, ban Tổng giám đốc trong việc điều hành công ty.

Tham gia một số cuộc họp của HĐQT về kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

Trong năm 2013 Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của công ty.





3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
2	Ông Lê Trung Kiên	Ủy viên HĐQT	111.000.000
3	Ông Đặng Văn Lành	Ủy viên HĐQT	111.000.000
4	Ông Vũ Minh Thành	Ủy viên HĐQT	35.000.000
5	Bà Đặng Thị Thu Phương	Ủy viên HĐQT	111.000.000
6	Ông Hoàng Khánh Chung	Trưởng BKS	82.000.000
7	Ông Đặng Quang Hoạt	Ủy viên BKS	67.600.000
8	Ông Lê Anh Chúc	Ủy viên BKS	61.100.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>699.200.000</b>



b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2012 như sau:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Minh Hoàn	Ủy viên HĐQT	50.000	0.42%	0	0	GD thỏa thuận
2	Phạm thị Trinh	Vợ Ông Vũ Minh Thành (TGD)	4.500	0.038%	4.500	0.038%	Khớp lệnh trên sàn

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có





d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của ban Giám đốc, và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

**VI. Báo cáo tài chính**

*1. Ý kiến kiểm toán*



Số: 104/BCKT 2014-Kreston ACA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

0189  
P. ĐOÀN  
DÁNG S  
AMICO  
LÝ.T.H



Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/3/2014, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến kiểm toán viên**

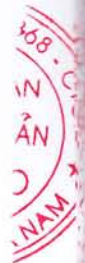
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh II.3 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến giả định về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

#### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 29/3/2013.







Trần Văn Thức  
 Tổng Giám đốc  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0554-2013-089-1

Trần Đức Cường  
 Kiểm toán viên  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1595-2013-089-1

Thay mặt và đại diện cho  
 Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam  
 Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2014

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>58.862.985.542</b>	<b>44.426.701.861</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.368.163.686	149.703.236
111	Tiền		2.368.163.686	149.703.236
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		15.902.231.046	24.218.460.634
131	Phải thu khách hàng		17.429.682.023	22.643.893.817
132	Trả trước cho người bán		196.454.000	2.834.085.651
135	Các khoản phải thu khác		-	1.816.427.309
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.2	(1.723.904.977)	(3.075.946.143)
140	Hàng tồn kho		36.648.536.523	17.801.065.581
141	Hàng tồn kho	V.3	36.648.536.523	17.801.065.581
150	Tài sản ngắn hạn khác		3.944.054.287	2.257.472.410
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	58.833.300
152	Thuế GTGT được khấu trừ		3.200.783.568	-
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	V.4	743.270.719	736.990.204
158	Tài sản ngắn hạn khác		-	1.461.648.906
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>180.106.028.590</b>	<b>164.174.410.242</b>
210	Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	Tài sản cố định		139.293.867.526	123.534.224.059
221	Tài sản cố định hữu hình	V.5	133.201.844.837	99.877.290.572
222	Nguyên giá		169.388.218.570	131.100.545.248
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(36.186.373.733)	(31.223.254.676)
227	Tài sản cố định vô hình	V.6	12.000.000	18.000.000



**Báo cáo thường niên****KSH**

228	Nguyên giá		48.000.000	48.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(36.000.000)	(30.000.000)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.7	6.080.022.689	23.638.933.487
240	<b>Bất động sản đầu tư</b>		-	-
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		39.580.000.000	39.580.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.8	39.580.000.000	39.580.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.232.161.064	1.060.186.183
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.9	1.232.161.064	1.060.186.183
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>238.969.014.132</b>	<b>208.601.112.103</b>

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>126.768.461.175</b>	<b>98.291.207.788</b>
310	Nợ ngắn hạn		113.592.461.175	80.723.207.788
311	Vay và nợ ngắn hạn	V.10	100.990.515.946	71.586.624.682
312	Phải trả người bán		10.730.038.805	6.160.427.256
313	Người mua trả tiền trước		403.012.159	51.010.198
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	106.000.000	593.956.745
315	Phải trả người lao động		732.031.200	388.141.900
316	Chi phí phải trả		-	368.883.942
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	897.800.000
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		630.863.065	676.363.065
330	Nợ dài hạn		13.176.000.000	17.568.000.000
334	Vay và nợ dài hạn	V.12	13.176.000.000	17.568.000.000
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>112.200.552.957</b>	<b>110.309.904.315</b>
410	Vốn chủ sở hữu	V.13	112.200.552.957	110.309.904.315
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		116.900.000.000	116.900.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.699.447.043)	(6.590.095.685)
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>238.969.014.132</b>	<b>208.601.112.103</b>



Vũ Minh Thành  
Tổng Giám đốc

Lâm Thị Thu Trang  
Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 3 năm 2014



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN  
 Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	66.206.047.171	68.049.939.729
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		66.206.047.171	68.049.939.729
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	48.659.028.930	57.048.049.259
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		17.547.018.241	11.001.890.470
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.157.664	2.381.553.785
22	Chi phí tài chính	VI.4	7.115.902.478	9.188.193.890
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.115.902.478	9.364.092.390
24	Chi phí bán hàng		3.888.958.117	6.913.621.882
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.479.658.316	6.527.548.548
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))		3.065.656.994	(9.245.920.065)
31	Thu nhập khác		2.122.735.245	613.256.817
32	Chi phí khác		3.297.743.597	5.506.924.604
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	VI.5	(1.175.008.352)	(4.893.667.787)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		1.890.648.642	(14.139.587.852)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.6	-	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		1.890.648.642	(14.139.587.852)
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	161,73	(1.209,55)

10189  
 TẬP ĐOÀN  
 KHOÁNG SẢN  
 HAMICO  
 T. T. HÀ NAM



Vũ Minh Thành  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 27 tháng 3 năm 2014

Lâm Thị Thu Trang  
 Kế toán trưởng





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	71.420.258.965	72.619.803.297
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(67.239.124.718)	(72.445.848.079)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(6.166.066.300)	(7.593.979.525)
04	Tiền chi trả lãi vay	(7.115.902.478)	(9.085.902.893)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.524.781.432	10.825.720.211
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.347.462.479)	(1.022.798.056)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.923.515.578)	(6.703.005.045)
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(17.673.072.900)	(20.117.229.443)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	800.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(5.253.227.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	7.590.361.731
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.157.664	2.381.553.785
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(16.869.915.236)	(15.398.540.927)
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	150.106.570.742	109.664.190.669
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(125.094.679.478)	(87.624.054.987)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	25.011.891.264	22.040.135.682
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	2.218.460.450	(61.410.290)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	149.703.236	211.113.526
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	2.368.163.686	149.703.236



Vũ Minh Thành  
Tổng Giám đốc

Lâm Thị Thu Trang  
Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 3 năm 2014

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico ("Công ty") là Công ty Cổ phần, tiền thân là Xi nghiệp Thực phẩm Công nghiệp Phú Lý - Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30/8/2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xi nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phú Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13/9/2000;

Ngày 22/12/2007 Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam được chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam trên cơ sở nhận sáp nhập thêm hai công ty:

- ✓ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Hà Nam: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam;
- ✓ Công ty Cổ phần Bao bì Phú Mỹ: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì Phú Mỹ.

Ngày 12/10/2009, Tổng Công ty CP Khoáng sản Hà Nam đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0700.189.368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp và được thay đổi lần thứ 10 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 05/3/2012.

Tổng vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 05/3/2012 là 116.900.000.000 đồng.

Vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty là: Khai thác quặng sắt, đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao, bê tông, các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt, máy móc, phụ tùng trong xây dựng; Chế biến đá, khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Bán buôn kim loại, quặng kim loại, hóa chất; Xây dựng...

Công ty có trụ sở chính tại địa điểm: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 198 người (tại ngày 01/01/2013: 230 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.





### 3. Giả định về tính hoạt động liên tục

Công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 54,7 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2013 là 36,2 tỷ đồng), Công ty có lỗ lũy kế tới ngày 31/12/2013 là (4.699.447.043) đồng và luồng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013 âm 5,9 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 sẽ khả quan, các cổ đông chính của Công ty và các Ngân hàng sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty tại bất cứ thời điểm nào. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 25/04/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 ("Thông tư 203"). Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/06/2013 và được áp dụng từ năm tài chính 2013. Theo quy định tại Thông tư 45, nguyên giá tài sản phải có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên mới được coi là tài sản cố định, thay vì 10.000.000 VND trở lên như quy định tại Thông tư 203. Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 45. Theo đó, đối với các tài sản cố định Công ty đang theo dõi và quản lý theo Thông tư 203, nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45, thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày 10/06/2013.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:





**Nợ phải thu quá hạn thanh toán:**

Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

**Nợ phải thu khác:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

CHỖ  
 HẠM  
 CHỖ  
 TẬP ĐC  
 37018





Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 – 50
Máy móc, thiết bị	07 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

**5. Tài sản cố định vô hình**

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

**Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	08



**6. Các khoản đầu tư tài chính*****Đầu tư vào các công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính***

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

**8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**10. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.





**11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**12. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thụ được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

***Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**13. Thuế*****Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

PHÂN  
CỔ  
CƠ SỞ  
HỮU  
CỔ Đ  
PH

**Báo cáo thường niên**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(Đơn vị tính: VND)**1. Tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	48.051.037	86.184.207
Tiền gửi ngân hàng	2.320.112.649	63.519.029
<b>Cộng</b>	<u>2.368.163.686</u>	<u>149.703.236</u>

**2. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Năm nay</u>
Số dư đầu năm	3.075.946.143
Tăng dự phòng	283.633.718
Hoàn nhập	(1.635.674.884)
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>1.723.904.977</u>



**Báo cáo thường niên****KSH****3. Hàng tồn kho**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	27.701.088.461	11.185.240.092
Công cụ, dụng cụ	376.954.325	121.591.136
Chi phí SX, KD dở dang	121.589.600	69.836.000
Thành phẩm	8.349.813.220	6.314.315.950
Hàng hóa	99.090.917	110.082.403
<b>Cộng</b>	<b><u>36.648.536.523</u></b>	<b><u>17.801.065.581</u></b>

**4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	6.280.515	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	736.990.204	736.990.204
<b>Cộng</b>	<b><u>743.270.719</u></b>	<b><u>736.990.204</u></b>

**6. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phân mềm máy tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	48.000.000	48.000.000
Mua trong năm	-	-
Số dư cuối năm	48.000.000	48.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Số dư đầu năm	30.000.000	30.000.000
Khấu hao tăng	6.000.000	6.000.000
Số dư cuối năm	36.000.000	36.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	18.000.000	18.000.000
Tại ngày cuối năm	12.000.000	12.000.000

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	363.636.364
Chi phí xây dựng nhà máy gạch Hamico I (*)	6.080.022.689	23.275.297.123
<b>Cộng</b>	<b><u>6.080.022.689</u></b>	<b><u>23.638.933.487</u></b>

(\*): Đây là chi phí xây dựng hạng mục Nhà chứa lò nung và hầm sấy của nhà máy gạch Hamico I chưa hoàn thành.





## 8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào Công ty liên kết (V8.1)	39.580.000.000	39.580.000.000
<b>Cộng</b>	<b>39.580.000.000</b>	<b>39.580.000.000</b>

## 8.1. Đầu tư vào công ty liên kết

	Mã cổ phiếu	Cuối năm		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu	KSK	3.958.000	39.580.000.000	3.958.000	39.580.000.000
<b>Cộng</b>		<b>3.958.000</b>	<b>39.580.000.000</b>	<b>3.958.000</b>	<b>39.580.000.000</b>

## 8.2. Thuyết minh bổ sung về các công ty liên kết

	Phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu	25,23%	25,23%

## 9. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	681.855.299	99.768.000
Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, Phú Lý để được quyền thuê đất 50 năm	423.751.515	453.751.515
Bảo hiểm xe ô tô	42.600.000	-
Chi phí sửa chữa lớn xe ô tô	83.954.250	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	506.666.668
<b>Cộng</b>	<b>1.232.161.064</b>	<b>1.060.186.183</b>

## 10. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn (V.10.1)	97.774.515.946	70.154.624.682
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.216.000.000	1.432.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.990.515.946</b>	<b>71.586.624.682</b>





10.1. Các khoản vay ngắn hạn

Đối tượng	Số dư cuối năm	Hạn mức vay/Tổng số tiền vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
<b>Vay ngân hàng</b>					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	41.989.515.946	41.989.515.946	06 tháng	Áp dụng theo từng lần nhận nợ	Tài sản
<b>Vay cá nhân</b>					
+ Cù Đức Ngọc	6.000.000.000	6.000.000.000	1 năm	1,5%/năm	Tin chấp
+ Nguyễn Quang Hưng	7.500.000.000	7.500.000.000	1 năm	1,5%/năm	Tin chấp
+ Nguyễn Thị Mão	5.500.000.000	5.500.000.000	1 năm	1,5%/năm	Tin chấp
+ Nguyễn Thị Nhung	8.335.000.000	8.335.000.000	1 năm	1,5%/năm	Tin chấp
+ Nguyễn Văn Khởi	7.000.000.000	7.000.000.000	1 năm	1,5%/năm	Tin chấp
+ Phạm Hương Thảo	6.450.000.000	6.450.000.000	1 năm	1,5%/năm	Tin chấp
+ Trương Thị Xuyên	6.000.000.000	6.000.000.000	1 năm	1,5%/năm	Tin chấp
+ Tống Anh Cường	9.000.000.000	9.000.000.000	1 năm	1,5%/năm	Tin chấp
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	3.216.000.000	Không áp dụng		Thả nổi, điều chỉnh theo từng quý	Tài sản
<b>Cộng</b>	<u>100.990.515.946</u>				



11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	-	549.803.745
Thuế tài nguyên	65.680.000	13.265.000
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	40.320.000	30.888.000
<b>Cộng</b>	<u>106.000.000</u>	<u>593.956.745</u>

12. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng (V.12.1)	13.176.000.000	17.568.000.000
<b>Cộng</b>	<u>13.176.000.000</u>	<u>17.568.000.000</u>



12.1. Các khoản vay ngân hàng

Đối tượng	Số dư cuối năm	Giá trị ban đầu	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	13.176.000.000	19.000.000.000	Từ ngày 04/12/2012 đến 04/9/2017	Thả nổi, điều chỉnh theo từng quý	Tài sản
<b>Cộng</b>	<b>13.176.000.000</b>				

13. Vốn chủ sở hữu

13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>			
Số dư đầu năm	116.900.000.000	6.488.289.706	123.388.289.706
Lãi (lỗ) trong năm	-	(14.139.587.852)	(14.139.587.852)
Tặng khác (*)	-	1.061.202.461	1.061.202.461
Số dư cuối năm	116.900.000.000	(6.590.095.685)	110.309.904.315
<b>NĂM NAY</b>			
Số dư đầu năm	116.900.000.000	(6.590.095.685)	110.309.904.315
Lãi (lỗ) trong năm	-	1.890.648.642	1.890.648.642
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Số dư cuối năm	116.900.000.000	(4.699.447.043)	112.200.552.957

13.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	116.900.000.000	116.900.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	116.900.000.000	116.900.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-





## 13.3. Cổ phiếu

	Cuối năm Cổ phiếu	Đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.690.000	11.690.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.690.000	11.690.000
Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.690.000	11.690.000
Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

## 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán gạch	24.002.683.700	17.591.526.292
Doanh thu bán bột đá	16.690.579.646	18.876.170.337
Doanh thu sắt thép	22.322.480.650	22.275.678.900
Doanh thu khác	3.190.303.175	9.306.564.200
<b>Cộng</b>	<b>66.206.047.171</b>	<b>68.049.939.729</b>

## 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.157.664	2.381.553.785
<b>Cộng</b>	<b>3.157.664</b>	<b>2.381.553.785</b>

## 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán gạch	13.944.763.185	17.147.439.080
Giá vốn bán bột đá	8.630.542.875	9.212.981.304
Giá vốn sắt thép	22.751.185.526	22.822.419.695
Giá vốn khác	3.332.537.344	7.865.209.180
<b>Cộng</b>	<b>48.659.028.930</b>	<b>57.048.049.259</b>





4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	7.115.902.478	9.364.092.390
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác	-	(175.898.500)
<b>Cộng</b>	<b>7.115.902.478</b>	<b>9.188.193.890</b>

5. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.122.735.245	613.256.817
Thu nhập từ thanh lý tài sản	1.990.909.077	468.255.934
Xuất bán điện	59.499.999	127.000.883
Cho thuê sân tennis	12.000.000	18.000.000
Thu nhập khác	60.326.169	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>3.297.743.597</b>	<b>5.506.924.604</b>
Thanh lý tài sản cố định	3.144.879.202	5.421.110.468
Giảm khác	152.864.395	85.814.136
<b>Cộng</b>	<b>(1.175.008.352)</b>	<b>(4.893.667.787)</b>

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6.1. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế.

6.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	1.890.648.642	(14.139.587.852)
Điều chỉnh tăng	-	7.791.119
Chi phí không được trừ	-	7.791.119
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	1.890.648.642	(14.131.796.733)
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.890.648.642)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	-	(14.131.796.733)
Thuế suất	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



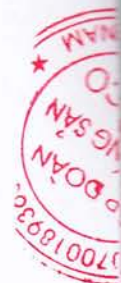


## 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.890.648.642	(14.139.587.852)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	11.690.000	11.690.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>161,73</b>	<b>(1.209,55)</b>

## 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Hàng tồn kho đầu năm	17.801.065.581	18.707.449.801
Hàng tồn kho mua trong năm	58.745.197.087	45.789.487.841
Hàng tồn kho cuối năm	(36.648.536.523)	(17.801.065.581)
Chi phí nhân công	6.509.955.600	7.080.036.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.003.345.641	7.740.162.888
Chi phí khác	5.914.361.574	14.480.072.719
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>59.325.388.960</b>	<b>75.996.144.293</b>
<b>Đối chiếu:</b>		
Giá vốn hàng bán	48.659.028.930	57.048.049.259
Chi phí bán hàng	3.888.958.117	6.913.621.882
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.479.658.316	6.527.548.548
Chi phí khác	3.297.743.597	5.506.924.604
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo chức năng</b>	<b>59.325.388.960</b>	<b>75.996.144.293</b>





VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)	Giá trị (VND) chưa thanh toán	Chính sách giá cả
Công ty CP Khoáng sản Luyện Kim màu Ông Nguyễn Tiến Dũng	Công ty liên kết, chiếm 25,23% Vốn điều lệ	Mua bán sắt thép	831.930.000	30.000.000	Giá thị trường
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Cổ đồng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Cho vay	3.000.000.000	-	Thời hạn vay 1 năm, lãi suất 1,5%/năm, không có Tài sản đảm bảo
Bà Đào Thị Kiều	Thành viên mật thiết trong gia đình của thành viên Hội đồng quản trị	Cho vay	1.000.000.000	-	Thời hạn vay 1 năm, lãi suất 1,5%/năm, không có Tài sản đảm bảo
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên mật thiết trong gia đình của thành viên Hội đồng quản trị	Cho vay	6.200.000.000	-	Thời hạn vay 1 năm, lãi suất 1,5%/năm, không có Tài sản đảm bảo
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Cổ đồng, thành viên mật thiết trong gia đình của thành viên Hội đồng quản trị	Cho vay	4.200.000.000	-	Thời hạn vay 1 năm, lãi suất 1,5%/năm, không có Tài sản đảm bảo



1.2. Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của thành viên HĐQT và Ban Giám đốc	702.000.000	722.000.000
<b>Cộng</b>	<b>702.000.000</b>	<b>722.000.000</b>

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không phát sinh khoản công nợ tiềm tàng nào đến thời điểm ngày 31/12/2013.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.





5. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

5.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.368.163.686	149.703.236
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.429.682.023	24.460.321.126
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	39.580.000.000	39.580.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>59.377.845.709</b>	<b>64.190.024.362</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	114.166.515.946	89.154.624.682
Phải trả người bán và phải trả khác	10.730.038.805	7.058.227.256
Chi phí phải trả	-	368.883.942
<b>Cộng</b>	<b>124.896.554.751</b>	<b>96.581.735.880</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

5.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

5.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.





#### Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
Số dư cuối kỳ			
Các khoản vay	100.990.515.946	13.176.000.000	114.166.515.946
Phải trả người bán và phải trả khác	10.730.038.805	-	10.730.038.805
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>111.720.554.751</b>	<b>13.176.000.000</b>	<b>124.896.554.751</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>			
Các khoản vay	71.586.624.682	17.568.000.000	89.154.624.682
Phải trả người bán và phải trả khác	7.058.227.256	-	7.058.227.256
Chi phí phải trả	368.883.942	-	368.883.942
<b>Cộng</b>	<b>79.013.735.880</b>	<b>17.568.000.000</b>	<b>96.581.735.880</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
Số dư cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.368.163.686	-	2.368.163.686
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.429.682.023	-	17.429.682.023
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	39.580.000.000	39.580.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.797.845.709</b>	<b>39.580.000.000</b>	<b>59.377.845.709</b>







Báo cáo thường niên

KSH

Số dư đầu kỳ	149.703.236	-	149.703.236
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.460.321.126	-	24.460.321.126
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	39.580.000.000	39.580.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.610.024.362</b>	<b>39.580.000.000</b>	<b>64.190.024.362</b>

6. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như sau:

Mã số	Bảng cân đối kế toán	Tại ngày 01/01/2013 (*)	
		Trước khi phân loại lại	Sau khi phân loại lại
311	Vay và nợ ngắn hạn	70.154.624.682	71.586.624.682
334	Vay và nợ dài hạn	19.000.000.000	17.568.000.000

Nguyên nhân:

Nợ dài hạn đến hạn trả được chuyển sang theo dõi trên khoản mục Vay và nợ ngắn hạn.



*[Handwritten signature]*

Vũ Minh Thành  
Tổng Giám đốc

*[Handwritten signature]*

Lâm Thị Thu Trang  
Kế toán trưởng

4. – Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh được lấy từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico được kiểm toán bởi chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam.

CÔNG TY TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO



*[Handwritten signature]*  
CHỦ TỊCH HĐQT  
*Nguyễn Liên Dũng*